



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

WASHINGTON FILE

5/8/1999

BẢN ĐIỀU TRẦN CỦA BÀ BARSHEFSKY TRƯỚC THƯỢNG VIỆN VỀ THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI CỦA MỸ VỚI VIỆT NAM

BẢN ĐIỀU TRẦN CỦA ĐẠI SỨ CHARLENE BARSHEFSKY-ĐẠI DIỆN THƯƠNG MẠI HOA KỲ

Các Ủy ban Đối ngoại của Thượng viện

về Chính sách Kinh tế Quốc tế và Các Vấn đề Châu Á-Thái Bình Dương

Washington, D.C.

Ngày 4/8/1999

Thưa các ngài chủ tịch Hagel và Thomas, thưa các Thượng nghị sĩ Sarbanes và Kerry, thưa các Ủy viên các Tiểu ban, xin cảm ơn các vị đã mời chúng tôi điều trần về các cuộc đàm phán thương mại của chúng ta với Việt Nam.

Trong hai tháng trở lại đây, sau hơn 3 năm đàm phán, chúng tôi đã đạt được một thoả thuận trên nguyên tắc về một hiệp định thương mại với Việt Nam. Chúng tôi hiện đang tham khảo với Quốc hội và đang làm việc với chính phủ Việt Nam để hoàn tất văn bản pháp lý và tiến đến hoàn chỉnh hiệp định. Hiệp định này sẽ đề cập đến một loạt các vấn đề nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nằm trong nghị trình thương mại của chúng ta, và cho phép chúng ta đề nghị Quốc hội trao cho thẩm quyền mở ra quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường với Việt Nam, sẽ được Quốc hội xem xét lại hàng năm.

Chiều nay tôi xin điểm lại trước Tiểu ban các điểm chính của bản thoả thuận trên nguyên tắc. Tuy nhiên tôi xin được bắt đầu với việc điểm lại các mục tiêu lớn trong chính sách của chúng ta ở Đông Dương và Việt Nam nói riêng, và vị trí của thương mại trong chính sách đó.

❖ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐÔNG DƯƠNG

Thưa ngài chủ tịch, bản thoả thuận trên nguyên tắc là kết quả hùng hồn của một chính sách lưỡng đảng mà tổng thống Clinton đã theo đuổi trong suốt thời gian ông điều hành chính phủ, chính sách này có từ ngày chính phủ của ông Bush đưa ra một "lịch trình" về cải thiện quan hệ với Việt Nam vào năm 1991.

Mối ưu tiên hàng đầu của chúng ta, cũng như của các chính phủ trước, là thống kê đầy đủ quân nhân Mỹ bị coi là mất tích vì hậu quả của cuộc chiến tranh Việt Nam. Đại sứ Peterson và những người khác đã ghi nhận tiến bộ trong vấn đề này. Với xu thế tiếp tục tiến triển như vậy, việc lôi kéo toàn diện Việt Nam, Campuchia và Lào vào các định chế khu vực Đông Nam Á và nền kinh tế Thái Bình Dương phục vụ rộng rãi hơn quyền lợi của Mỹ trong sự ổn định và tăng trưởng khu vực. Cũng trong chiều hướng ấy, các cuộc đàm phán của chúng ta trên một loạt các mặt trận có thể thúc đẩy các mối quan tâm có tính nguyên tắc mà chúng ta nắm giữ ở Đông Dương cũng như ở các nơi khác trên thế giới - đó là các mối quan tâm về các thị trường thông thoáng, nhân quyền và pháp trị.

Chính sách thương mại ở Đông Dương được thực hiện bên trong bối cảnh của những ưu tiên, những mối quan tâm và những giá trị này. Ở mỗi quốc gia, một chính sách thương mại có thể đóng góp cho các mục tiêu của chúng ta trong một số lĩnh vực:

Thứ nhất, mở cửa thương mại, nhất là thông qua các hiệp định pháp lý chính thức, đóng góp vào sự tự do hoá thương mại của Việt Nam, Lào và Campuchia. Các hiệp định thương mại khiến các nước này cam kết tiến tới kinh tế học thị trường và nền pháp trị. Cả hai cái đó đều có xu hướng làm giảm quyền lực độc đoán của nhà nước, mang lại cho các cá nhân các cơ hội kinh tế lớn hơn và nhiều tự do hơn trong việc tự định đoạt tương lai của mình, như thế bổ xung cho các nỗ lực ngoại giao của các đồng nghiệp của chúng ta về vấn đề nhân quyền.

Thứ hai, hội nhập các nước này vào nền thương mại Mỹ-Thái Bình Dương sẽ thúc đẩy các lợi ích chiến lược của chúng ta ở châu Á. Trong thập kỷ này, chỉ riêng việc họ gia nhập ASEAN đã loại bỏ đi cái nguồn chủ yếu gây căng thẳng và bất ổn trong lòng Đông Nam Á. Một mối quan hệ đầu tư và thương mại ngày càng phát triển với Hoa Kỳ sẽ tiếp diễn và củng cố thêm cho xu thế này.

Cuối cùng, dĩ nhiên là với việc mở cửa các thị trường này ra, chính sách thương mại của chúng ta có thể góp phần tạo ra thêm một số lượng đáng kể các cơ hội mới cho các doanh nghiệp, những người làm nông nghiệp và các công nhân Mỹ. Việt Nam nói riêng, là nước lớn thứ hai trong ASEAN, có tiềm năng để phát triển thành một nền kinh tế tăng trưởng nhanh và có nhu cầu đáng kể về các sản phẩm của chúng ta.

❖ CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI

Các cuộc đàm phán thương mại của chúng ta với cả ba nước Đông Dương này bắt đầu vào giữa nửa đầu của những năm 1990. Mặc dù ba nền kinh tế này khác nhau đáng kể, nhưng trong mỗi một trường hợp chúng ta đều đã gặp phải một loạt các vấn đề giống nhau:

- Tất cả đều có các hệ thống thương mại đóng cửa chặt chẽ và các nền kinh tế phi thị trường.
- Tuy nhiên, cả ba chính phủ đều chú ý đến việc tiến tới cải cách kinh tế trong nước theo định hướng thị trường vì hậu quả của cuộc Chiến tranh Lạnh, và chú ý đến mở các quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ.
- Trong những điều kiện như thế, cả ba nước, vì là các nền kinh tế phi thị trường, không đủ tiêu chuẩn để hưởng quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường (gọi tắt là NTR) mà không cần đàm phán về một Hiệp định Thương mại Song phương (Bilateral Commerce Agreement - BCA). (Việt Nam, không giống như hai nước kia, còn là đối tượng chịu ảnh hưởng của Tu chính án Jackson-Vanik, cần được xác nhận là có tự do di trú cũng như có đàm phán về một Hiệp định Thương mại Song phương để được trao quy chế NTR).

Như vậy, mục tiêu của chúng ta là đàm phán các hiệp định với từng nước, các hiệp định này sẽ dẫn tới sự ra đời của các thị trường mở cửa hơn rất nhiều, đóng góp vào cải cách và tự do hoá trong nước, và (cứ cho rằng trường hợp của Việt Nam thành công trong việc tự do hoá di trú) cho phép chúng ta trao quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường. Việc trao NTR là có điều kiện, được gia hạn hàng năm xét trên sự kiện định về duy trì tự do di trú. Như trong các

trường hợp khác, chúng ta sẽ không tiến tới đề nghị trao NTR vĩnh viễn cho tới khi những nước này gia nhập WTO -- trong vài năm tới.

▪ **Campuchia và Lào**

Về hai nước nhỏ hơn này, chúng ta đã có thể tiến hành đàm phán khá nhanh. Đầu tiên chúng ta đã thành công với Campuchia thông qua một BCA vào năm 1994, hiệp định này đã có hiệu lực khi Quốc hội trao NTR vào năm 1996. Vì hiệp định này đã được đàm phán trước khi kết thúc Vòng Đàm phán Uruguay, nó không toàn diện bằng các hiệp định với Lào và Việt Nam. Tuy nhiên nó cũng có các cam kết toàn diện về vấn đề sở hữu trí tuệ và bảo đảm đối xử quốc gia đối với hàng nhập khẩu.

Còn với Lào, chúng ta hoàn tất một BCA vào năm 1997. Trong hiệp định này chúng ta đã có thể sử dụng kết quả của vòng đàm phán Uruguay như là nền móng. Kết quả là có được một hiệp định toàn diện hơn, đề cập đến cả sự truy nhập thị trường dành cho hàng hoá và dịch vụ, và các quyền về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, hiệp định này vẫn chưa có hiệu lực vì Lào chưa được trao NTR. Chúng tôi hy vọng làm việc với các ngài để trao NTR trong năm nay.

▪ **Việt Nam**

Ở Việt Nam, nhiệm vụ phức tạp hơn. Việt Nam, với khoảng 80 triệu dân trong tổng số xấp xỉ 100 triệu dân của Đông Dương, là nước lớn nhất trong số ba nước này. Nền kinh tế của Việt Nam lớn hơn và công nghiệp hoá hơn nhiều so với 2 nước kia, vì thế mức độ kế hoạch hoá kinh tế và sự kiểm soát của chính phủ đối với nền kinh tế cũng lớn hơn nhiều, và hệ thống kế hoạch hoá trung ương đã tồn tại lâu hơn đáng kể.

Tổng thống Clinton vì thế đã giám sát một quá trình mở ra các quan hệ kinh tế theo từng bước, với việc cho phép nối lại các hoạt động cho vay quốc tế và cho các công ty Mỹ tham gia vào các dự án phát triển vào năm 1993; bãi bỏ lệnh cấm vận kinh tế vào năm 1994, và lập quan hệ ngoại giao bình thường vào năm 1995. Theo trình tự thì các việc kể trên có nền móng là các quyết định trước đây của tổng thống Bush vào các năm 1991 và 1992 về mở tuyến du lịch có tổ chức, cho phép bán hàng hoá thương mại sang Việt Nam phục vụ cho các nhu cầu cơ bản của con người và mở các đường truyền viễn thông.

Sau khi lập các quan hệ ngoại giao, chúng ta đã bắt đầu các cuộc đàm phán về một Hiệp định Thương mại Song phương vào năm 1996. Các cuộc đối thoại đã diễn ra rất chậm chạp trong 3 năm. Tuy nhiên, công việc của chúng ta trong năm nay đã diễn ra nhanh, và kết quả là hồi tháng trước đã đạt được một thỏa thuận trên nguyên tắc, thỏa thuận này khi được hoàn chỉnh sẽ thay đổi về căn bản hệ thống thương mại của Việt Nam và đóng góp vào việc tự do hóa rộng lớn hơn nền kinh tế trong nước của nước này.

Các điều khoản cụ thể của hiệp định này vượt xa các điều khoản của các BCA được đàm phán trước đây để bãi bỏ các quy định hạn chế của luật Jackson-Vanick đối với các nền kinh tế được bảo hộ khác. Các hiệp định trước đây có rất ít hoặc hầu như không có các cam kết về truy nhập thị trường; kết quả là các kết quả thương mại của Mỹ trong một số trường hợp đã bị hạn chế, và các đối tác của chúng ta trong các cuộc đàm phán thấy họ không thể đạt được những tiến bộ nhanh chóng để tiến đến với mục tiêu lớn hơn là trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Trái lại, khi hoàn tất, BCA của chúng ta với Việt Nam sẽ vạch ra con đường đi tới việc mở cửa rộng hơn với thế giới bên ngoài, giảm sự kiểm soát của chính phủ đối với nền kinh tế, và cuối cùng là ngầm đóng góp vào việc các cá nhân có quyền tự do nhiều hơn khi kiếm công ăn việc làm và tự định đoạt tương lai của mình. Ở mức độ cơ bản nhất nó sẽ làm nhiều hơn để mở cửa các thị trường cho các hàng hoá và dịch vụ của chúng ta bằng cách giảm đi các hàng rào thương mại, bảo đảm sự đối xử quốc gia và thúc đẩy sự rõ ràng. Tuy nhiên, xa hơn điều này, nó sẽ phục vụ các mục đích, mà chúng ta chia sẻ với chính phủ Việt Nam: thúc đẩy cải cách kinh tế và mức tăng trưởng bền vững trong lòng

nền kinh tế Việt Nam; giúp Việt Nam hội nhập một cách an toàn vào nền kinh tế khu vực; và tạo ra một nền móng vững chắc hơn cho việc Việt Nam gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới.

Tuy nhiên, tôi phải nhấn mạnh là đây vẫn chỉ là một thoả thuận trên nguyên tắc. Nó thể hiện sự hiểu biết về các vấn đề chủ chốt, nhưng các vấn đề pháp lý và việc soạn thảo chi tiết còn phải được giải quyết hoặc hoàn chỉnh. Còn rất nhiều việc phải làm trước khi văn bản có thể được hoàn tất, trong đó có cả việc thẩm tra và rà soát lại các lịch trình và các điều khoản chi tiết trong bản hiệp định toàn diện và phức tạp này. Tuy vậy, không bên nào lại nghĩ rằng các vấn đề còn tồn đọng sẽ là một trở ngại không vượt qua nổi đối với việc hoàn tất một bản hiệp định đúng thời hạn.

❖ CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HIỆP ĐỊNH

Bây giờ tôi xin điểm lại các hiểu biết chung mà chúng tôi đã đạt được. Như tôi đã lưu ý lúc nãy, trong khi văn bản pháp lý chưa được soạn xong, thì nói chung là chúng tôi đã có một bộ các cam kết toàn diện mà sẽ có hiệu lực khi chúng ta trao NTR, và đề cập đến các ưu tiên của chúng ta trong tất cả các lĩnh vực thông qua các cam kết và các thời gian biểu để thực hiện chúng.

Các điểm chính như sau:

1. Truy nhập Thị trường dành cho Hàng hoá

Về hàng hoá, các cam kết bao gồm:

Thuế quan -- Việt Nam sẽ bảo đảm các mức thuế quan MFN (Tối huệ quốc □ ND) đối với các hàng hoá Mỹ. (Đây là một điểm có ý nghĩa, vì theo một đạo luật của Việt Nam, đối xử thuế quan phi MFN và có thuế suất cao hơn được áp dụng với hàng hoá Mỹ; trong khi luật này hiện đã bị hoãn lại, thì bản thoả thuận sẽ bảo đảm rằng nó sẽ không bao giờ được áp dụng nữa). Việt Nam cũng sẽ giảm đáng kể thuế quan đối với các sản phẩm cả nông nghiệp lẫn công nghiệp.

Đối xử Quốc gia -- Việt Nam sẽ áp dụng quy chế đối xử quốc gia đối với hàng nhập khẩu trong các lĩnh vực gồm tiêu chuẩn, thuế và giải quyết tranh chấp thương mại.

Việc Mua sắm của Chính phủ -- Việt Nam sẽ cam kết tuân thủ các điều khoản về tính minh bạch trong việc mua sắm của chính phủ.

Các hạn chế về số lượng -- Việt Nam sẽ cấm sử dụng quota hoặc các hình thức hạn chế số lượng khác, ngoại trừ một vài trường hợp các mặt hàng không phổ biến. Các hạn chế về số lượng hiện đang tồn tại sẽ bị bãi bỏ theo một thời gian biểu xác định.

Các quyền Thương mại -- Việt Nam sẽ cho phép các công dân nước này trực tiếp trao đổi thương mại các sản phẩm. Thêm vào đó, các nhà đầu tư Mỹ ở Việt Nam, và tất cả các doanh nghiệp sau một thời gian nhất định, đều có thể nhập phụ tùng và các loại nguyên liệu đầu vào khác từ Hoa Kỳ.

2. Các Quyền về Sở hữu Trí tuệ

Về các quyền tài sản trí tuệ, Việt Nam sẽ chấp nhận tất cả các nghĩa vụ trong Hiệp định WTO TRIPs sau tối đa là hai năm. Một số điều khoản, trong đó có việc thông qua và thực thi các luật IPR (Các Quyền về Sở hữu Trí tuệ) sẽ có hiệu lực ngay.

3. Thương mại trong lĩnh vực Dịch vụ

Về dịch vụ, các cam kết chính như sau:

Các Luật lệ -- Việt Nam sẽ chấp nhận một hệ thống các luật lệ dựa trên Hiệp định Chung về Thương mại và Dịch vụ của WTO. Các quy định này gồm quy chế đối xử MFN, cải thiện tính minh bạch và các đảm bảo khác về sự vô tư và thông thoáng trong các chế độ quy định trong nước.

Các Khu vực -- Bản thoả thuận đề cập đến các khu vực gồm phân phối, các dịch vụ tài chính và các khu vực khác.

Các Cam kết về Truy nhập Thị trường -- Trong những lĩnh vực này, Việt Nam sẽ đưa ra các cam kết về truy nhập thị trường như là quyền thành lập và cấp giấy phép cho những người làm công tác chuyên môn có các bằng cấp cụ thể. Các thời gian biểu cho các cam kết này sẽ khác nhau tùy theo khu vực.

4. Đầu tư

Việt Nam sẽ xoá bỏ các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại như là hiệu suất xuất khẩu hoặc các yêu cầu về thành phần hàng hoá nội địa trong một thời gian biểu cố định, hoặc bằng cách gia nhập WTO nếu điều đó xảy ra trước.

Về các thời gian biểu, ngay khi chúng ta trao NTR, Việt Nam sẽ thực thi các điều khoản gồm các bảo đảm về quy chế đối xử quốc gia và MFN ngoại trừ một số trường hợp cụ thể nhất định, bảo đảm về tính minh bạch, việc chuyển nhân công và bảo vệ chống lại sự chiếm dụng. Các cam kết về cấp giấy phép nhập khẩu, về định giá có tính phân biệt đối xử và các vấn đề khác sẽ được cụ thể hoá theo từng chặng.

5. Các vấn đề khác

Cuối cùng, bản thoả thuận còn gồm một loạt các điều khoản khác nằm ngoài các tiêu chí này nhưng thiết yếu cho sự hoạt động của bất cứ doanh nghiệp nào và cho việc xây dựng lòng tin của quốc tế đối với nền kinh tế Việt Nam. Chúng gồm các cam kết về tính minh bạch, yêu cầu Việt Nam công bố các số liệu kinh tế quốc gia, các luật, các quy định, v.v... và việc tạo điều kiện kinh doanh phải bao gồm cả con đường đi đến giải quyết tranh chấp. Cả hai cam kết này đều sẽ có hiệu lực ngay khi chúng ta trao NTR.

Như vậy, về tổng thể, chúng tôi đã đạt được hiểu biết chung về các vấn đề chính mà chúng tôi đã đặt ra để thảo luận. Khi hoàn tất, kết quả sẽ là một hiệp định toàn diện mở ra thị trường của Việt Nam cho các hàng hoá và dịch vụ Mỹ; thúc đẩy cải cách và tự do hoá trong nước; gắn Việt Nam chặt hơn vào nền kinh tế thế giới; và tạo ra cơ sở cho việc tất yếu gia nhập vào WTO.

KẾT LUẬN

Thưa ngài chủ tịch, một khối lượng đáng kể công việc còn đang chờ ở phía trước, và chúng tôi phải tham khảo chặt chẽ với các ngài khi chúng tôi hoàn tất bản hiệp định và trình nó trước Quốc hội. Nhưng với sự giúp đỡ của các ngài chúng tôi đã đến gần đích hơn.

Việc hoàn chỉnh hiệp định này, và trao NTR cho Việt Nam và Lào, sẽ mở ra thêm số lượng đáng kể các cơ hội mới cho người Mỹ. Nhưng quan trọng hơn là nó sẽ đóng góp vào những khát vọng về tự do hoá và pháp trị ở những nước này; bổ sung cho công việc mà chúng ta đang theo đuổi về vấn đề nhân quyền; và tạo ưu thế cho tầm nhìn dài hạn của chúng ta về một châu Á hòa bình, ổn định.

Kể từ Chiến tranh Thế giới II, bất ổn và xung đột bên trong Đông Dương đã là một trong những nguyên nhân chính của châu Á gây ra sự đau khổ và sự nguy hiểm cho quốc tế. Trong thập kỷ vừa qua, một chính sách có hiệu quả của hai đảng với sự phối hợp nhịp nhàng và trải qua 3 chính phủ đã góp phần chấm dứt cuộc xung đột Campuchia; thống kê về người Mỹ mất tích trong các cuộc chiến tranh Đông Dương; và việc lại mở ra những hy vọng cho hàng

triệu người Campuchia, Lào và Việt Nam. Hiệp định này sẽ là một bước nữa, và là một bước có ý nghĩa, tiến đến đoạn kết của cái kỷ nguyên đau đớn và dài đằng đẵng này.

Hôm nay, tôi rất vui được trình bày các kết quả có được tính đến nay trước Tiểu ban, và được làm việc với các ngài để hoàn tất công việc.

Xin cảm ơn.

Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại: <http://usembassy.state.gov/vietnam/wwwhta11e.html>